

Bản án số: **60/2022/HS-PT**.
Ngày: 20-7-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu.

Các Thẩm phán: Bà Trương Tô Hương.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Nga -Kiểm sát viên.

Ngày 20/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 53/2022/TLPT-HS, ngày 20/5/2022 đối với bị cáo Cao Thị H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo: Cao Thị H; Sinh ngày 01/01/1975; Nơi sinh: Xã S, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn L (chết) và bà Phạm Thị N (chết); Có chồng Nguyễn Duy P (chết) và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/12/2020 cho đến nay (bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Khánh T- Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Khánh T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ liên hệ: Số A đường P, phường B, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Những người không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập gồm: Các bị hại BH1, BH2, BH3, BH4, BH5, BH6, BH7, BH8, BH9, BH10, BH11, BH12, BH13, BH14, BH15, BH16, BH17; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6, NLQ7, NLQ8, NLQ9, NLQ10, NLQ11, NLQ12, NLQ13, NLQ14, NLQ15, NLQ16, NLQ17, NLQ18, NLQ19, NLQ20, NLQ21, NLQ22, NLQ23, NLQ24, NLQ25, NLQ26, NLQ27, NLQ28; người làm chứng NLC1, NLC2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2017, bị cáo Cao Thị H làm đầu thảo hụi (chủ hụi) mở các dây hụi cho những người quen biết ở khu vực ấp A, xã A, huyện C tham gia, loại hụi tháng, mỗi chân (phần) hụi là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), loại hụi có lãi và có huê hồng (50% số tiền mệnh giá của phần hụi, tức là mỗi lần khai hụi thì bị cáo được hưởng 1.000.000 đồng (một triệu đồng)). Trong quá trình làm đầu thảo hụi, bị cáo có mở sổ sách theo dõi người chơi và người hốt hụi, khi hụi viên hốt hụi thì hụi viên có ký nhận vào sổ nhận tiền. Thời gian đầu, bị cáo thực hiện đúng thỏa thuận về hụi. Trong quá trình làm đầu thảo hụi, thấy các hụi viên tin tưởng, ít đến tham dự các kỳ khai hụi mà chủ yếu thông qua bị cáo thực hiện giúp. Từ đó, bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hụi viên. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối là tự ý lấy tên của hụi viên và hốt phần hụi của hụi viên mà không được sự đồng ý của họ. Với thủ đoạn trên, Cao Thị H đã chiếm đoạt tiền của các hụi viên để sử dụng cho mục đích cá nhân. Đến tháng 11 năm 2019 âm lịch do mất cân đối, không thể tiếp tục đóng hụi bù vào các phần hụi do bị cáo đã hốt nên bị cáo đã tuyên bố bế (vỡ) hụi.

Tại thời điểm vỡ hụi, bị cáo còn quản lý 04 (bốn) dây hụi đang hoạt động với 108 phần hụi, có 45 người tham gia bao gồm cả bị cáo, các dây hụi như sau:

- Dây hụi thứ 1: Mở và khai lần đầu vào ngày 15/10/2018 âm lịch (nhằm ngày 21/11/2018 dương lịch) gồm có: 23 hụi viên với 31 phần hụi, mỗi phần hụi mệnh giá là 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần. Hụi đã khai được 14 lần với 12 người hốt hụi, bị cáo hốt 01 phần hụi của bị cáo và bị cáo mượn của bà BH11 hốt 01 phần hụi và được bà BH11 đồng ý. Tại thời điểm vỡ hụi còn 17 lần với 11 người chưa hốt hụi. Bị cáo hốt phần hụi của bà BH11 ở kỳ khai hụi thứ 9 là ngày 15/6/2019 âm lịch (nhằm ngày 17-7-2019 dương lịch), bị cáo hốt được 42.940.000 đồng. Đối với phần hụi này, bị cáo được bà BH11 cho mượn nên bị cáo không có hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác.

- Dây hụi thứ 2: Mở và khai lần đầu vào ngày 25/5/2019 âm lịch (nhằm ngày 27/6/2019 dương lịch) gồm có: 18 hụi viên (bị cáo, chị BH1, bà BH2, chị BH3, bà BH5, bà BH6, chị BH7, chị BH8, bà BH9, bà BH10, bà BH4, bà BH11, ông BH12, bà BH13, anh BH14, bà BH15, bà BH16, chị BH17) với 29 phần hụi, mỗi phần hụi mệnh giá là 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần. Hụi đã khai được 7 lần với 6 người hốt, bị cáo hốt 01 phần hụi của bị cáo ở kỳ khai hụi thứ 5 và bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các hụi viên khác ở kỳ khai hụi thứ 3 và kỳ khai hụi thứ 7, cụ thể:

Tại kỳ khai hụi thứ 3, ngày 25/7/2019 âm lịch (nhằm ngày 25/8/2019 dương lịch) bị cáo đã tự ý lấy một phần hụi của hụi viên BH7 (tên hụi viên là: X), bị cáo ra lời (bỏ thăm) 700.000 đồng, hốt được số tiền 35.500.000 đồng sau khi đã trừ 01 phần hụi của bị cáo, nhưng trên cơ sở kết quả điều tra và đối chiếu với các hụi viên thì bị cáo chiếm đoạt ở phần hụi này là 37.800.000 đồng (26 phần hụi sống

với số tiền 33.800.000 đồng và 02 phần hội chết với số tiền 4.000.000 đồng). Khi gom hội thì bị cáo nói với các hội viên là BH7 hốt hội. Bị cáo đã kêu con gái bị cáo tên NLC1 ký tên “X” vào sổ nhận tiền hội, NLC1 không biết bị cáo tự ý hốt hội.

Tại kỳ khai hội thứ 7, ngày 25/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 20/12/2019) dương lịch) bị cáo đã tự ý lấy một phần hội của hội viên BH11 (tên hội viên là: L), bị cáo ra lời số tiền 720.000 đồng, hốt được số tiền 37.160.000 đồng đã trừ 01 phần hội chết của bị cáo, nhưng thực tế kết quả điều tra và đối chiếu với các hội viên thì bị cáo chiếm đoạt ở phần hội này là 38.720.000 đồng (24 phần hội sống với số tiền 30.720.000 đồng và 04 phần hội chết với số tiền 8.000.000 đồng). Khi gom hội thì bị cáo nói với các hội viên là chị BH11 hốt hội. Bị cáo đã kêu con gái bị cáo tên NLC1 ký tên “L” vào sổ nhận tiền hội, NLC1 không biết bị cáo tự ý hốt hội.

Như vậy, bị cáo Cao Thị H đã thực hiện hành vi gian dối tự ý bỏ thăm và hốt hội để chiếm đoạt tiền của các hội viên tham gia dây hội thứ hai này với số tiền tổng cộng là 76.520.000 đồng.

- Dây hội thứ 3: Mở và khai lần đầu vào ngày 29/7/2019 âm lịch (nhằm ngày 29/8/2019 dương lịch) gồm có: 18 hội viên với 24 phần hội, mỗi phần hội mệnh giá là 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần. Hội đã khai được 4 lần với 4 người hốt (hốt thật), còn 20 phần với 14 người chưa hốt. Tại dây hội này bị cáo không có chiếm đoạt tiền của hội viên.

- Dây hội thứ 4: Mở và khai lần đầu vào ngày 20/10/2019 âm lịch (nhằm ngày 16/11/2019 dương lịch) gồm có: 21 hội viên với 24 phần hội, mỗi phần hội mệnh giá là 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần. Hội đã khai được 2 lần với 2 người hốt (hốt thật), còn 22 phần với 19 người chưa hốt. Tại dây hội này bị cáo không có chiếm đoạt tiền của hội viên.

Tại Bản kết luận giám định số: 4670/C09B ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Chữ ký dạng chữ viết “H” trên tài liệu giám định ký hiệu A1 so với chữ ký thực nghiệm “H” của bà Cao Thị H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký ra.”

2. Chữ ký dạng chữ viết “X” trên tài liệu giám định ký hiệu A2 so với chữ ký thực nghiệm X của bà Cao Thị H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do không cùng một người ký ra.

3. Chữ ký dạng chữ viết “L” trên tài liệu giám định ký hiệu A2 so với chữ ký thực nghiệm L của bà Cao Thị H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 là do không cùng một người ký ra.

4. Chữ ký dạng chữ viết “X” trên tài liệu giám định ký hiệu A2 so với chữ ký thực nghiệm “X” của NLC1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M4 là do cùng một người ký ra.

5. Chữ ký dạng chữ viết “L” trên tài liệu giám định ký hiệu A2 so với chữ ký thực nghiệm “L” của NLC1 trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M5 là do cùng một người ký ra.

Khi làm đầu thảo hụi, bị cáo có mở 04 dây hụi, mỗi dây hụi bị cáo tham gia 01 phần hụi và bị cáo đã hốt hết tất cả các 04 phần hụi mà bị cáo tham gia ở 04 dây hụi. Không những vậy, bị cáo còn dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt 02 (hai) phần hụi ở dây hụi thứ 2 (mở ngày 25/5/2019 âm lịch, nhằm ngày 27/6/2019 dương lịch). Bị cáo đã tự ý lấy 01 phần hụi của BH7 là em chồng của bị cáo tại lần khui hụi thứ 3 nhằm ngày 25/8/2019 dương lịch, chiếm đoạt số tiền 37.800.000 đồng và 01 phần hụi của hụi viên BH11 tại lần khui hụi thứ 7 nhằm ngày 25/11/2019 dương lịch, chiếm đoạt số tiền 38.720.000 đồng. Như vậy, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các hụi viên với tổng số tiền là 76.520.000 đồng. Bị cáo đã sử dụng số tiền lừa đảo chiếm đoạt của các hụi viên vào mục đích cá nhân là dùng để đóng tiền hụi và trả tiền nuôi chồng là ông Nguyễn Duy P điều trị bệnh xuất huyết não và đã qua đời vào tháng 4 năm 2019 âm lịch.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 07/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

- Tuyên bố: Bị cáo Cao Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Cao Thị H 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

- Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 21/4/2022, bị cáo Cao Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Người bào chữa của bị cáo trình bày: Về tội danh và khung hình phạt thống nhất với cấp sơ thẩm. Về tình tiết giảm nhẹ: Ngoài các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng bổ sung cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là bị cáo đã tự thú ra hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại theo điểm r, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả cho các bị hại, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo

dưới khung hình phạt; bị cáo cũng đủ điều kiện để được hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Đơn kháng cáo của bị cáo Cao Thị H nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện C vào ngày 21/4/2022 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét nội dung kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và án treo theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Cao Thị H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn sơ thẩm; phù hợp với lời khai của các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ xác định: Vào ngày 27/6/2019 (nhằm ngày 25/5/2019 âm lịch), bị cáo mở và khai lần đầu dây hụi 2.000.000 đồng/phần (chân), một tháng khai một lần, dây hụi có 18 hụi viên (gồm bị cáo và các ông (bà) BH1, BH2, BH3, BH5, BH6, BH7, BH8, BH9, BH10, BH4, BH11, BH12, BH13, BH14, BH15, BH16, BH17) với 29 phần hụi, do bị cáo làm chủ hụi. Trong quá trình làm đầu thảo hụi (chủ hụi), do thấy hụi viên tin tưởng, ít đến tham dự các kỳ khai hụi mà chủ yếu thông qua việc bị cáo thực hiện giúp nên từ đó bị cáo đã nảy sinh ý định dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của hụi viên để sử dụng, tiêu xài vào mục đích của cá nhân, bị cáo tự ý hốt phần hụi của các hụi viên mà chưa có sự đồng ý của hụi viên để chiếm đoạt tiền của các hụi viên, cụ thể: Tại kỳ khai hụi thứ 3, ngày 25/7/2019 âm lịch (nhằm ngày 25/8/2019 dương lịch) bị cáo đã tự ý lấy một phần hụi của hụi viên BH7 (tên hụi viên là: X), bị cáo bỏ thăm 700.000 đồng, hốt được số tiền 35.500.000 đồng sau khi đã trừ 01 phần hụi của bị cáo, nhưng trên cơ sở kết quả đối chiếu với các hụi viên thì bị cáo chiếm đoạt ở phần hụi này là 37.800.000 đồng (26 phần hụi sống với số tiền 33.800.000 đồng và 02 phần hụi chết với số tiền 4.000.000 đồng). Khi gom hụi thì bị cáo nói với các hụi viên là X hốt hụi. Bị cáo đã kêu con gái bị cáo tên NLC1 ký tên “X” vào sổ nhận tiền hụi, NLC1 không biết bị cáo tự ý hốt hụi; Tại kỳ khai hụi thứ 7, ngày 25/11/2019 âm lịch (nhằm ngày 20/12/2019 dương lịch) bị cáo đã tự ý lấy một phần hụi của hụi viên BH11 (tên hụi viên là: L), bị cáo bỏ thăm số tiền 720.000 đồng, hốt được số tiền 37.160.000 đồng đã trừ 01 phần hụi chết của bị cáo, nhưng thực tế đối chiếu với các hụi viên thì bị cáo chiếm đoạt ở phần hụi này là 38.720.000 đồng (24 phần hụi sống với số tiền 30.720.000 đồng và 04 phần hụi chết với số tiền 8.000.000 đồng). Khi gom hụi, thì bị cáo nói với các hụi viên là chị L hốt hụi. Bị cáo đã kêu con gái bị cáo tên NLC1 ký tên “L” vào sổ nhận tiền

hội, NLC1 không biết bị cáo tự ý hốt hui. Tổng cộng số tiền bị cáo chiếm đoạt của các hội viên là 76.520.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo: Khi xem xét quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và xem xét, áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự gồm sau khi phạm tội bị cáo đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả một phần cho các bị hại; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị hại BH14 và BH10 không yêu cầu xử lý bị cáo; trước khi phạm tội bị cáo có thân thân tốt, quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xét việc Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định và áp dụng đối với bị cáo tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã bồi thường toàn bộ cho các bị hại BH1, BH3 và bồi thường cho bị hại BH9 5.000.000 đồng để thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho các bị hại theo quyết định của bản án sơ thẩm; các bị hại BH1, BH3, BH9, BH7, BH5, BH16, BH4, BH6, BH14, BH8, BH12, BH10, BH13, BH17 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo phạm tội lần đầu, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng bổ sung cho bị cáo. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo với mức án 02 năm tù là đã tương xứng với tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được áp dụng; đồng thời, bị cáo cũng không đủ điều kiện để được áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo: Để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng hình phạt tù giam đối với bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

[5] Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng bổ sung cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ là bị cáo đã tự thú ra hành vi phạm tội, bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại theo điểm g, h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xét thấy, trong vụ án này sau khi bị cáo Cao Thị H bị các hội viên tố cáo đến Cơ quan điều tra Công an huyện C về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, khi được mời làm việc thì bị cáo H thừa nhận hành vi phạm tội của mình và sau đó bị cáo mới khắc phục hậu quả cho các bị hại nên cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và khắc phục một phần hậu quả cho các bị hại theo điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và

đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị của người bào chữa cho bị cáo là chưa đủ căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận đề nghị của người bào chữa, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp kháng cáo của bị cáo Cao Thị H. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2022/HS-ST ngày 07-4-2022 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ các điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 và khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Cao Thị H 02 (hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành hình phạt tù hoặc bắt bị cáo đi thi hành án.

3. Về án phí phúc thẩm:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bị cáo Cao Thị H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện C (02);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện C (01);
- CQĐT- Công an huyện C (01);
- CQTHAHS-Công an huyện C (01);
- Chi cục THADS huyện C (01);
- Bị cáo; NBC (02);
- PKTNV-THA-TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS- Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sở Tư pháp (01);
- Lưu HS, THS (04).

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Thành Hữu